

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ LAGI  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 06/2020/DS-ST  
Ngày: 12/6/2020  
V/v: “Tranh chấp dân sự hợp  
đồng vay tài sản”.**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI - TỈNH BÌNH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Hoa Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đức

Bà Vũ Thị Minh Huệ

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Mai Thị Thanh – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2020/TLST-DS ngày 08/01/2020, về: “Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-DS, ngày 08/5/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1975 địa chỉ: Khu phố 5, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1996; địa chỉ: Khu phố 6, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 13/8/2019 bà N cho ông Nguyễn Ngọc T vay tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để ông T có tiền làm đám cưới, khi vay ông T có viết giấy xác nhận. Hai bên thỏa thuận trả nợ trong hạn 10 ngày, không thỏa thuận lãi, ông T đưa sổ hộ khẩu cho bà N cầm để làm tin. Quá hạn thỏa thuận bà N đòi nợ nhiều lần không có kết quả nên bà khởi kiện.

Bà N yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T phải trả nợ gốc 30.000.000 đồng và tính lãi chậm trả của số tiền trên từ ngày 23/8/2019 đến ngày trả xong nợ cho bà N. Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ kiện, ông T đã trả cho bà N 1 triệu đồng, số tiền này bà N đề nghị trừ vào lãi chậm trả và ông T phải tiếp tục trả lãi cho bà.

Khoản tiền bà N cho ông T vay là tài sản của cá nhân bà N, không liên quan đến người khác.

*Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T:*

Ông T có lời khai thừa nhận vay số tiền 30.000.000 đồng của bà N từ năm 2019 chưa trả, ông T chấp nhận trả nợ cho bà N mỗi tháng 1 triệu đồng. Ông Nguyễn Ngọc T không tham gia các buổi làm việc và không có trình bày gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt không lý do.

*\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng, đầy đủ theo trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Ty trả nợ gốc và giải quyết lãi theo qui định.

Án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 6, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị đơn Nguyễn Ngọc T vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Nguyên đơn và bị đơn thoả thuận vay tài sản (tiền) hai bên có lập giấy xác nhận nợ, được bị đơn thừa nhận có khoản vay nợ như nguyên đơn trình bày, nội dung này thuộc những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập ông Nguyễn Ngọc T nhiều lần, có lần ông Nguyễn Ngọc T tự ý bỏ về trong buổi họp công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập nhiều lần ông T không chấp hành, chứng tỏ bị đơn không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo qui định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc 30.000.000đồng là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

[4] Lãi suất các bên không thỏa thuận, tuy nhiên bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn cam kết do vậy bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn theo quy định tại các Điều 357, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

\* Từ ngày 23/8/2019 đến ngày 12/6/2020 là 9 tháng 19 ngày (289 ngày):

$30.000.000đ \times 0,83 \% / \text{tháng} \times 9 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 2.398.700đ.$

Nguyên đơn đã nhận 1.000.000đ, số lãi còn lại là 1.298.700đ

=>> Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi suất:  $30.000.000đ + 1.298.700đ = 31.398.700đ$

Ông Nguyễn Ngọc T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị N tổng cộng số tiền nợ gốc, lãi suất là 31.398.700đ

[5] Án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã thu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

-Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

**Tuyên xử:** Buộc ông Nguyễn Ngọc T phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ (Gồm tiền nợ gốc và lãi suất) tổng cộng là **31.398.700** đồng (ba mươi một triệu ba trăm chín mươi tám ngàn bảy trăm đồng)

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại

khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

**1. Án phí:** Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu **1.570.000** đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 750.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022603 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

**2. Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.**

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKS thị xã L;
- THA thị xã L;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Thị Hoa Nga**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)